

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG YẾN PHƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG YẾN PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YEN PHUONG CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110447993

**3. Ngày thành lập:** 11/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 01, đường Bờ Sông, Xóm Tháp Truyền Hình, Tổ 3, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906011121

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330(Chính) |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (Gồm:<br>- Bán buôn đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...)                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4653        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng             | 4663 |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 10. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9512 |
| 11. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9521 |
| 12. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình:<br>- Tủ lạnh, lò nấu, lò nướng, máy giặt, máy vắt, máy sấy quần áo, điều hòa nhiệt độ...                                                                                                                                                                                | 9522 |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6619 |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Khảo sát xây dựng;<br>Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;<br>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;<br>Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;        | 7110 |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7710 |
| 16. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(Trừ vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2511 |
| 17. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại<br>(Trừ vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2591 |
| 18. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Trừ vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2592 |
| 19. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng<br>(Trừ vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2593 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ vàng)                                                                                               | 2599 |
| 21. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610 |
| 22. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                  | 2720 |
| 23. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                     | 2731 |
| 24. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                  | 2732 |
| 25. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733 |
| 26. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740 |
| 27. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                               | 2750 |
| 28. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790 |
| 29. | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô;                                                                            | 2819 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                    | 4933 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 32. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224 |
| 33. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 37. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 38. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                       | 3600 |
| 39. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                           | 3700 |
| 40. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                         | 4311 |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                              | 4312 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 43. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 44. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 46. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 06/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024189006280

Ngày cấp: 05/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Thị trấn Nam Giang, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 01, đường Bờ Sông, Xóm Tháp Truyền Hình, Tổ 3, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024189006280

Ngày cấp: 05/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Thị trấn Nam Giang, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 01, đường Bờ Sông, Xóm Tháp Truyền Hình, Tổ 3, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội